

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HƯNG YÊN
TỈNH HƯNG YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2024/HNGĐ - ST

Ngày: 09-8-2024

“V/v tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HƯNG YÊN - TỈNH HƯNG YÊN
Thành phần xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thúy Hà.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đào Thị Đoan.

2. Ông Phạm Minh Đức.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Nam Hải - Thẩm tra viên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hưng Yên tham gia phiên tòa:
Ông Lương Văn Quyết - Kiểm sát viên.

Ngày 09/8/2024 tại phòng xét xử, Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên mở phiên tòa công khai, sơ thẩm vụ án HNGĐ thụ lý số 46/2024/TLST-HNGĐ, ngày 25/03/2024, về việc *“tranh chấp ly hôn”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2024/QĐXX - HNGĐ ngày 22/7/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Phạm Thị H**, sinh năm 1983. Trú tại: Đ, thôn N, xã H, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

2. Bị đơn: **Anh Bùi Văn P**, sinh năm 1979. Trú tại: Đ, thôn P, xã P, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: cháu Bùi Thị Mỹ D, sinh ngày 16/9/2021; Trú tại: Đ, thôn N, xã H, thành phố H, tỉnh Hưng Yên. Người đại diện theo pháp luật của cháu D là chị H và anh P (là bố, mẹ đẻ).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai, nguyên đơn trình bày:

Chị Phạm Thị H và anh Bùi Văn P trên cơ sở tự do tìm hiểu đã tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2015 tại UBND xã P, thành phố H, tỉnh Hưng Yên. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, do có nhiều bất đồng trong quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra tranh cãi. Ngoài ra, vì công việc anh P thường phải xa nhà nên tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, không quan tâm và chia sẻ, anh chị sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay, không liên lạc, trao đổi để tìm ra biện pháp

khắc phục tình trạng hôn nhân. Để ổn định cuộc sống nên chị H đã làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh P. Về con chung: Anh, chị có 01 con chung là Bùi Thị Mỹ D sinh ngày 16/9/2021, không có con nuôi, con riêng. Hiện nay, cháu D đang sinh sống cùng chị H, chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Bùi Văn P **trình bày:** Xác nhận việc đăng ký kết hôn; nguyên nhân mâu thuẫn như nguyên đơn trình bày. Đồng thời, thừa nhận anh, chị đã ly thân từ năm 2021 đến nay không liên lạc, trao đổi qua điện thoại hay gặp gỡ nhằm mục đích hàn gắn vì không còn tình cảm vợ chồng. Do phải làm ăn xa nhà nên anh P đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt, đồng ý ly hôn với chị H. Về con chung, anh chị có 01 con chung là cháu Bùi Thị Mỹ D, sinh ngày 16/9/2021, không có con riêng và con nuôi; anh P đồng ý để chị H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: không đề nghị Tòa án giải quyết.

*Để làm rõ tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh P, Thẩm phán đã tiến hành xác minh, cụ thể:

Bà Đào Thị N là mẹ đẻ anh P trình bày: anh P và chị H chung sống không hạnh phúc do có nhiều bất đồng trong quan điểm sống, sống ly thân nhiều năm nay. Do công việc nên anh P thường xuyên sống xa nhà. Nay chị H đề nghị giải quyết ly hôn, bà không mong muốn nhưng đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị H và anh P.

Bà Bùi Thị L, là người thân của chị H trình bày: Bố, mẹ chị H đều đã chết. Theo bà biết chị H và chồng chung sống không hạnh phúc, anh P đi làm ăn xa nhà nên không quan tâm đến vợ con, mỗi khi gặp khó khăn chị H đều nhờ bà trợ giúp. Nay chị H đề nghị giải quyết ly hôn, đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Thẩm phán không tiến hành hòa giải do các đương sự trong vụ án đều có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm.

Đại diện VKSND thành phố Hưng Yên phát biểu quan điểm: Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử. HĐXX đã thực hiện đúng quy định trong việc xét xử, điều hành phiên tòa theo quy định tại Điều 225, từ Điều 227 đến Điều 229, Điều 234, 239, Điều 247 đến Điều 258, Điều 260 đến Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự; Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 51, Điều 239 Bộ luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết: Căn cứ Điều 51, 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Điều 3, Điều 11 Nghị quyết 01/2024/NQ - HĐTP TANDTC ngày 16/5/2024, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử: Công nhận sự thuận tình ly hôn của chị Phạm Thị H và anh Bùi Văn P; Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị Phạm Thị H và anh Bùi Văn P, giao cháu D cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi; anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung: các đương sự không đề nghị giải quyết nên không xem xét; Về án phí: nguyên đơn và bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm nhưng nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ án phí nên cần chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1]. *Về tố tụng*: Chị Phạm Thị H và anh Bùi Văn P tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2015 tại UBND xã P, thành phố H, tỉnh Hưng Yên nên là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Nay chị H khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh P; anh P đăng ký thường trú tại địa bàn thành phố H nên căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên và quan hệ pháp luật cần phải giải quyết là “*Tranh chấp ly hôn*”.

Tại phiên tòa, các đương sự đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*: HĐXX thấy:

2.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị H và anh P chung sống không hạnh phúc do có nhiều bất đồng phát sinh trong cuộc sống. Ngoài ra, việc anh P thường xuyên sống xa nhà do tính chất công việc cũng là nguyên nhân dẫn đến tình cảm vợ chồng lạnh nhạt. Từ năm 2021 đến nay, chị H và anh P sống ly thân, không liên hệ, trao đổi để tìm ra biện pháp khắc phục. Khi Tòa án thụ lý giải quyết, chị H và anh P đều đề nghị Tòa án không hòa giải, giải quyết, xét xử vắng mặt và đồng ý ly hôn, chứng tỏ anh chị đã không còn quan tâm, coi trọng hôn nhân của mình. Từ những phân tích nêu trên, HĐXX thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh P đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Khi chị H đề nghị ly hôn, anh P tỏ quan điểm đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H nên căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân gia đình và Điều 3 Nghị quyết 01/2024/NQ - HĐTP ngày 16/5/2024 cần chấp nhận sự thuận tình ly hôn của chị H và anh P.

2.2. *Về con chung*: Chị H và anh P có 01 con chung là cháu Bùi Thị Mỹ D, sinh ngày 16/9/2021, không có con riêng và con nuôi. Trên cơ sở nguyện vọng của chị H và anh P, giao cháu D cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H, anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

2.3. *Về tài sản*: đương sự không đề nghị nên không xem xét giải quyết.

[3]. *Về án phí*: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14; Điều 11 Nghị quyết 01/2024/NQ - HĐTP TANDTC ngày 16/5/2024, nguyên đơn và bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm nhưng nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ án phí sơ thẩm nên cần chấp nhận.

[4]. *Về quyền kháng cáo*: Chị H và anh P có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điều 51, 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Điều 3, Điều 11 Nghị quyết 01/2024/NQ - HĐTP TANDTC ngày 16/5/2024,.

Tuyên xử:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn của chị Phạm Thị H và anh Bùi Văn P.
2. Về con chung: Chị H và anh P có 01 con chung là Bùi Thị Mỹ D, sinh ngày 16/9/2021, không có con riêng và con nuôi. Công nhận sự thỏa thuận của chị Phạm Thị H và anh Bùi Văn P, giao cháu D cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi; anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh P được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung; Chị H và gia đình không ai được cản trở anh P trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, Chị H và anh P hoặc các cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

3. Về tài sản: các đương sự không đề nghị nên HĐXX không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị H tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000379 ngày 25 tháng 03 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hưng Yên, chị H đã nộp đủ án phí. Hoàn trả cho chị Phạm Thị H số tiền 150.000 đồng.

5. Quyền kháng cáo: Chị H và anh P có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận.

- Các đương sự;
- VKSND thành phố Hưng Yên;
- Chi cục THADS T.P Hưng Yên;
- Phòng nghiệp vụ & THA, Tòa án tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã Phương Chiểu, TP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*Hưng Yên. (GDKKH số 30/2015,
quyển số 01/2014);
- Lưu HS.*

Đào Thúy Hà